TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Bản án số: 760/2023/HC-PT
Ngày 24 tháng 10 năm 2023

V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các Thẩm phán: Ông Vũ Minh Tuấn
Bà Nguyễn Phương Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 02/2023/TLPT-HC ngày 03 tháng 01 năm 2023 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai", do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11816/2023/QĐ-PT ngày 09 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Lê Trọng B, sinh năm 1957 và bà Lê Thị H, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Đỗ Hoàng D, sinh năm 1976; địa chỉ: 7 Chợ H, phường Đ, quận L, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Huy M, Luật sư của Công ty L1 Nguyễn Huy M thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện V: Ông Đỗ Hoàng T, Phó Chủ tịch UBND huyện V (Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2022).

2. Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn N và Chủ tịch UBND thị trấn N: Ông Nguyễn Hồng V, Phó Chủ tịch UBND thị trấn N (Văn bản ủy quyền ngày 12/9/2022).

- Người kháng cáo: Ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H (Là người khởi kiện).

(Tại phiên tòa phúc thẩm: Ông Lê Trọng B, bà Lê Thị H, ông Nguyễn Huy M có mặt; ông Đỗ Hoàng D, ông Đỗ Hoàng T, ông Nguyễn Hồng V có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện là ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H trình bày:

Ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H là chủ sử dụng diện tích đất ao khoảng 1.390m^2 khu V, Đ, thôn N, thị trấn N, huyện V, tỉnh Hưng Yên (sau đây viết tắt là: khu V). Nguồn gốc thửa đất trên do cha ông là cụ Lê Trọng C (mất ngày 16/10/2016) để lại. Quá trình sử dụng, diện tích ao đó được cụ C chia cho các con là Lê Thị H1 và Lê Trọng B từ giai đoạn những năm 1974 đến năm 1981. Từ năm 1981, gia đình ông B sử dụng toàn bộ diện tích ao cho đến nay.

Năm 1993, thôn N tự ý đo đạc diện tích đất ao vào sổ sách quản lý của tập thể. Năm 1994, thôn N có chủ trương cho đấu thầu các ao hồ để lấy tiền xây dựng các công trình phúc lợi trong thôn, cụ C đã có đơn đề nghị chính quyền chứng thực diện tích ao của gia đình không đưa vào công hữu và được Trưởng thôn chứng nhận. Gia đình tiếp tục sử dụng ao, có xây dựng một số công trình chăn nuôi và đóng thuế đất đầy đủ.

Năm 2021, gia đình tiến hành xây dựng lại công trình trên đất thì UBND thị trấn N ban hành Thông báo số 13/TB-UBND ngày 13/4/2021 (sau đây viết tắt là: Thông báo số 13) kết luận: Xác định ao khu Vườn Hồ là đất của tập thể; hồ sơ chứng minh đất của gia đình không hợp pháp; buộc gia đình tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại nguyên trạng ao cho tập thể.

Ngày 27/4/2021, gia đình ông B có đơn khiếu nại lần 1 đối với Thông báo số 13. Ngày 14/7/2021, Chủ tịch UBND thị trấn N ban hành Quyết định số 178/QĐ-GQKN (sau đây viết tắt là: Quyết định số 178) giải quyết khiếu nại, giữ nguyên nội dung Thông báo số 13. Không đồng ý với Quyết định số 178, gia đình ông B tiếp tục khiếu nại lần 2 đến UBND huyện V.

Ngày 07/9/2021, Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2325/QĐ-CTUBND (sau đây viết tắt là: Quyết định số 2325) giải quyết khiếu nại lần 2, giữ nguyên nội dung Quyết định số 178.

Không đồng ý với việc giải quyết khiếu nại lần 2, ngày 06/6/2022 ông B và bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy Thông báo số 13, Quyết định số

178 và Quyết định số 2325; đồng thời kiến nghị với chính quyền địa phương công nhận quyền sử dụng đất cho gia đình.

2. Ý kiến của người bị kiện:

2.1. Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch UBND huyện V trình bày:

Về thủ tục giải quyết khiếu nại của ông Lê Trọng B: Được thực hiện theo đúng quy định của Luật Khiếu nại năm 2011, Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ và Luật Đất đai năm 2013.

Về nội dung khiếu nại: Căn cứ vào hồ sơ địa chính được lưu giữ; kết quả họp, xét duyệt của Hội đồng tư vấn xác minh nguồn gốc thửa đất ao khu Vườn Hồ; kết quả xác minh về diện tích đất nông nghiệp mà gia đình ông B sử dụng; kết quả đo đạc kiểm tra hiện trạng việc sử dụng đất ao Vườn Hồ không có cơ sở xác định gia đình ông B được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất ao Vườn Hồ, mà chỉ được công nhận sử dụng 96m^2 được giao theo quy định.

Thông qua kết quả xác minh những người có uy tín, những người đã làm lãnh đạo tại thôn qua các thời kỳ đều khẳng định: Diện tích đất ao là do hợp tác xã quản lý; thời điểm năm 2002, lúc cụ C còn sống cũng không thực hiện việc kê khai, đăng ký sử dụng; hộ ông B không xuất trình được giấy tờ tài liệu về quyền sử dụng đối với diện tích đất nêu trên. Do đó, không có cơ sở xác định quyền sử dụng đất thuộc về hộ ông B, Quyết định của Chủ tịch UBND huyện về giải quyết khiếu nại là đúng.

Chủ tịch UBND huyện V đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, bà H.

2.2. Người đại diện hợp pháp của UBND thị trấn N và Chủ tịch UBND thị trấn N trình bày:

Theo hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND thị trấn N thể hiện: Trước năm 1980, diện tích đất ao khu Vườn Hồ không thể hiện trong hồ sơ địa chính. Từ năm 1980 đến nay, diện tích đất này được xác định là đất tập thể. Sau khi có đơn đề nghị của gia đình ông B, UBND thị trấn N đã thành lập Hội đồng tư vấn xác minh nguồn gốc thửa đất ao khu V, kết quả xác minh cho thấy không có căn cứ nào khẳng định gia đình cụ C, sau này là ông B có quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất ao.

Từ khoảng những năm 2000, gia đình ông B có xây dựng lán tạm trên diện tích được giao để chăn nuôi, đến ngày 25/2/2021 gia đình ông B cho san lấp và xây dựng công trình với quy mô phòng trọ trên đất của tập thể nên chính quyền địa phương đã lập biên bản ngăn chặn. Việc một số cá nhân có ký vào đơn khiếu nại của gia đình ông B xác nhận quyền sử dụng đất thuộc về gia đình ông B không phải là cơ sở pháp lý cho việc sử dụng đất của ông B là hợp pháp.

Bản thân cụ C lúc còn sống cũng đã từng tham gia công tác, làm cán bộ địa chính tại địa phương, hiểu biết các quy định về đất đai nhưng không đăng ký sử dụng đất ao nói trên. Năm 2002, gia đình ông B thực hiện kê khai đất ở nhưng

không kê khai đối với diện tích đất ao. Mặt khác, gia đình ông B cũng không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ thuế nào đối với diện tích ao. Do đó, không có cơ sở để xác định gia đình ông B được sử dụng diện tích ao Vườn Hồ.

3. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022, Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 3, 4 Điều 60; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204 và Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; các Điều 17, 18, 31, 40 của Luật Khiếu nại năm 2011; Điều 204 của Luật Đất đai 2013. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H yêu cầu hủy: Thông báo số 13/TB-UBND ngày 13/4/2021 của UBND thị trấn N; Quyết định số 178/QĐ-GQKN ngày 14/7/2021 của Chủ tịch UBND thị trấn N và Quyết định số 2325/QĐ-CTUBND ngày 07/9/2021 của Chủ tịch UBND huyện V.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông B, bà H và phổ biến quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

4. Kháng cáo:

Ngày 26/10/2022, người khởi kiện là ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H có đơn kháng cáo đối với toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà.

5. Tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H giữ nguyên đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

5.2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông B, bà H là Luật sư Nguyễn Huy M giao nộp bổ sung một số tài liệu là các Biên bản lấy lời khai do Luật sư Nguyễn Huy M lập cùng ngày 18/10/2023 ghi lời trình bày của bà Lê Thị Ánh T1, bà Lê Thị H1, bà Lê Thị Q, ông Lê Trọng C1 (trước đó, tại phiên tòa ngày 27/6/2023 Luật sư đã giao nộp Vi bằng số 06 do Văn phòng T5 lập ngày 20/4/2023 ghi nhận ý kiến của các ông Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Công N, Sái Văn V1, Lê Trọng C2) và phát biểu ý kiến cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chưa đủ chứng cứ; xem xét và đánh giá chứng cứ không khách quan, chưa đúng pháp luật nên đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B, bà H là không đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng tuyên hủy các quyết định hành chính bị kiện và công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp cho gia đình ông B, bà H.

5.3. Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục Luật Tố tụng hành chính quy định. Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập đầy đủ,

hợp lệ những người tham gia tố tụng đến phiên tòa nhưng có người vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt một số người tham gia tố tụng là đúng quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính. Những người tham gia tố tụng có mặt chấp hành nghiêm chỉnh nội quy phiên tòa và đã thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập, xem xét, đánh giá đầy đủ các chứng cứ, tài liệu, lời trình bày của các đương sự và đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của kháng cáo có đưa ra một số tài liệu, chứng cứ mới là lời khai của một số người nguyên là lãnh đạo xã N, lãnh đạo thôn N và một số người là con cháu của cụ C. Tuy nhiên, lời trình bày của những người này lại có mâu thuẫn với lời khai của một số người làm chứng trong giai đoạn sơ thẩm và không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác nên không đủ căn cứ pháp luật để chấp nhận kháng cáo của ông B, bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính, bác đơn kháng cáo của ông Lê Trọng B, bà Lê Thị H và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Trên cơ sở các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm định tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của các đương sự, người đại diện hợp pháp và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của Kiểm sát viên và nghị án,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xác định nguồn gốc, quá trình quản lý và sử dụng diện tích đất có khiếu kiện:

[1.1] Theo lời trình bày của người khởi kiện ông Lê Trọng B thì: Toàn bộ diện tích đất ao (khoảng 1.390m^2) tại khu V có nguồn gốc từ đời cụ Lê Quản B1 (ông nội ông B) sử dụng từ trước năm 1945 để lại cho cụ Lê Trọng C (bố ông B); cụ C tiếp tục sử dụng đến năm 1974 thì cụ có cho bà Lê Thị H1 (chị gái ông B) khoảng 750m^2. Năm 1978, cụ C xây dựng tường bao quây toàn bộ diện tích đất ao nói trên và đến năm 1981 cụ C cho vợ chồng ông Lê Trọng B sử dụng.

[1.2] Xem xét các chứng cứ, tài liệu do ông B giao nộp thì thấy:

Tại Đơn đề nghị ngày 05/11/1994 của cụ Lê Trọng C gửi Tổ quy hoạch và Chính quyền thôn N có nội dung: *"Gia đình tôi có 1 cái ao hồ (cổng hậu) không vào công hữu hiện nay gia đình vẫn thả bèo để chăn nuôi. Vậy tôi làm đơn này báo với tổ quy hoạch thôn biết, tránh rắc rối sau này giữa tập thể và gia đình tôi"*. Đơn có xác nhận của Trưởng thôn (ông Nguyễn Hữu Đ) có nội dung: *"Thực hiện Nghị quyết của Chi bộ và Nghị quyết họp dân cho phép bán dãy ao bên đường làng… Trong đó một số hộ gia đình kê khai có ao không vào công hữu như ao bà K,… ao ông C… Tổ quy hoạch không đưa vào danh dách bán. Đề nghị gia đình đóng thuế theo Luật Đất đai…"*.

Tại Đơn khiếu nại của ông B và bà H viết ngày 27/4/2021 gửi UBND và Ban tư pháp địa chính thị trấn Như Quỳnh có nội dung: Sau khi nhận được Thông báo số 13/TB-UBND ngày 13/4/2021 của UBND thị trấn N, ông B và bà H trình bày khu ao vườn hồ L của gia đình ông được sử dụng qua nhiều đời, không có tranh chấp, cụ C không đưa vào công hữu; đề nghị UBND thị trấn N chỉnh sửa bản đồ qua các thời kỳ, hủy bỏ Thông báo số 13/TB-UBND và công nhận quyền sử dụng hợp pháp khu đất trên cho gia đình. Đơn có xác nhận của: ông Nguyễn Hữu Đ (nguyên là Trưởng thôn 1990-1995), ông Sái Văn V1 (Trưởng thôn từ tháng 5/1995), ông Nguyễn Công N (Bí thư Chi bộ giai đoạn 1994-1998), ông Lê Trọng C2 (nguyên Bí thư Chi bộ và Trưởng thôn giai đoạn 2003-2010), ông Lê Tự Ánh T2, ông Lê Trọng Q1, ông Lê M1, ông Mai Văn B2, ông Lê Văn H2, ông Trương Văn T3 với nội dung: cụ C, ông B có sử dụng ao thả bèo, không đưa vào công hữu nhưng không thể hiện vị trí, diện tích và đơn không có xác nhận của chính quyền địa phương.

Ngoài ra, ông B có giao nộp cho Tòa án bản phô tô Giấy chuyển nhượng ao lập ngày 08/5/2006 giữa ông Lê Trọng C1 với ông Lê Trọng B phần ao (có xác nhận của lãnh đạo thôn).

[1.3] Về phía người bị kiện, UBND thị trấn N xác định:

Trước năm 1980, diện tích đất ao khu Vườn Hồ không thể hiện trong hồ sơ địa chính. Từ năm 1980 đến nay, diện tích này được xác định là đất tập thể. Sau khi có đơn đề nghị của gia đình ông B, UBND thị trấn N đã thành lập Hội đồng tư vấn xác minh nguồn gốc thửa đất ao khu V, kết quả xác minh cho thấy không có căn cứ nào khẳng định gia đình cụ C, sau này là ông B có quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất ao. Từ trước đến nay, địa phương không thu thuế thửa đất ao trên đối với bất kỳ hộ gia đình, cá nhân nào. Việc một số cá nhân có ký vào đơn khiếu nại của gia đình ông B xác nhận quyền sử dụng đất thuộc về gia đình ông B không phải là cơ sở pháp lý cho việc sử dụng đất của ông B là hợp pháp.

Theo nội dung Biên bản của Hội đồng tư vấn xác minh làm rõ nguồn gốc thửa đất ao khu Vườn Hồ hiện gia đình ông Lê Trọng B tự nhận là đất ao của gia đình lập ngày 09/6/2021 (bút lục: 124-127) thể hiện: Các ông Phan Tiến Đ1, Ngô Văn T4, Lê Văn H2, Ngô Xuân C3, Mai Văn L (là công dân thôn N) xác định vào khoảng những năm 1980-1992 toàn bộ diện tích đất ao, bờ lũy do tập thể quản lý, không giao cho các hộ; tập thể đã thả cá, trồng cây nhưng không có hộ dân nào có ý kiến gì; các ông đề nghị xem xét hồ sơ địa chính và việc thu thuế để giải quyết.

Ngoài ra, UBND thị trấn N còn trình bày: Cụ C trước đây đã từng làm cán bộ địa chính tại địa phương nhưng không đăng ký sử dụng đất ao nói trên. Năm 2002, gia đình ông B thực hiện kê khai đất ở nhưng không kê khai đối với diện tích đất ao và gia đình ông B cũng không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ thuế nào đối với diện tích ao Vườn Hồ.

[1.3] Tổng hợp những tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của các đương sự nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định: *"Đơn đề nghị ngày 05/11/1994 của cụ Lê Trọng C không có xác nhận của cấp có thẩm quyền; Giấy chuyển nhượng ao*

ngày 08/5/2006 không có vị trí, diện tích, không đăng ký với cơ quan quản lý đất đai; lời xác nhận của một số cá nhân trong Đơn khiếu nại ngày 27/4/2021 của ông B không do người hoặc cơ quan có thẩm quyền chứng nhận theo quy định. Các tài liệu nêu trên không thuộc một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 và Điều 101 của Luật Đất đai, do đó không phải là căn cứ hợp pháp để xác định quyền sử dụng đất cho gia đình ông B. Mặt khác, trong quá trình kê khai sử dụng đất theo quy định của nhà nước, gia đình ông B cũng không đăng ký kê khai đối với toàn bộ diện tích ao Vườn Hồ, gia đình cũng không bị trừ vào diện tích đất canh tác được phân bổ, việc ông B đưa ra các mốc thời gian được chia đất, sử dụng đất từ năm 1974 chỉ là phần trình bày miệng, việc thực hiện nghĩa vụ thuế là đối với diện tích đất ở, không liên quan đến phần đất ao, vì vậy không có cơ sở xác định quyền sử dụng đất của gia đình ông B đối với toàn bộ khu ao V", từ đó đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông B, bà H là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

[1.4] Ông B, bà H kháng cáo với nội dung cho rằng diện tích đất ao có khiếu kiện có nguồn gốc là của các cụ đời trước sử dụng từ trước năm 1945 để lại cho cụ Lê Quản B1 tới bố ông là cụ Lê Trọng C và kể từ năm 1981 đến nay gia đình ông quản lý sử dụng nên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của gia đình ông. Mặc dù tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của kháng cáo có giao nộp thêm một số tài liệu, chứng cứ mới là lời khai của một số người nguyên là lãnh đạo xã N, lãnh đạo thôn N qua các thời kỳ và một số người là con cháu của cụ C. Tuy nhiên, lời trình bày của những người này lại có mâu thuẫn với lời khai của một số người làm chứng trong giai đoạn sơ thẩm và cũng không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập, xem xét nêu trên. Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng phía người bị kiện chỉ dựa vào sổ sách lập năm 1985 về sau để xác định nguồn gốc thửa đất ao Vườn Hồ; tuy nhiên, phía người khởi kiện cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ hợp pháp nào để chứng minh thửa đất ao Vườn Hồ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Q2 Bộ từ hàng trăm năm trước, sau này để lại cho đời con, cháu ngoài căn cứ là các công trình, cây cối mà Luật sư cho rằng được cụ C, tiếp theo là vợ chồng ông B trồng trọt, xây dựng trên đất. Do đó, nội dung kháng cáo của ông B, bà H về nguồn gốc diện tích đất ao có khiếu kiện là không đủ căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[2] Về yêu cầu hủy các quyết định hành chính:

Theo kết quả phân tích tại mục [1] ở trên đã xác định việc gia đình ông B không có tài liệu, chứng cứ, giấy tờ nào chứng minh có quyền sử dụng diện tích đất ao khu V là hợp pháp. Trong khi đó, theo các sổ sách quản lý đất đai lưu trữ tại địa phương thể hiện từ năm 1982 đến nay thì thửa đất mà ông Lê Trọng B cho rằng của gia đình ông đều do chính quyền địa phương đứng tên trong hồ sơ địa chính và từ trước đến nay địa phương cũng không thu thuế sử dụng diện tích đất trên.

Ngày 25/2/2021, gia đình ông B san lấp và xây dựng công trình với quy mô

phòng trọ trên diện tích đất trên. Căn cứ vào hồ sơ địa chính, UBND thị trấn N đã xác định gia đình ông B xây dựng công trình trên đất của tập thể nên đã lập biên bản, sau đó ban hành Thông báo số 13/TB-UBND ngày 13/4/2021 với nội dung kết luận: ao khu Vườn Hồ là đất của tập thể; hồ sơ chứng minh đất của gia đình không hợp pháp; buộc gia đình tháo dỡ toàn bộ công trình trả lại nguyên trạng ao cho tập thể là có căn cứ, đúng quy định của Luật Đất đai.

Sau khi gia đình ông B có đơn khiếu nại đối với Thông báo số 13/TB-UBND, Chủ tịch UBND thị trấn N đã thực hiện việc thụ lý đơn khiếu nại và thành lập Hội đồng tư vấn xác định nguồn gốc đất đai. Quá trình xác minh giải quyết khiếu nại, những người cao tuổi đều xác định thửa đất có khiếu nại là đất công, không phải đất của gia đình ông Lê Trọng B. Từ đó, đã ban hành Quyết định số 178/QĐ-GQKN về việc giải quyết khiếu nại, giữ nguyên nội dung Thông báo số 13. Gia đình ông B tiếp tục khiếu nại lần 2 đến UBND huyện V và đã được Chủ tịch UBND huyện V ban hành Quyết định số 2325/QĐ-CTUBND ngày 07/9/2021 giải quyết khiếu nại lần 2 là đều bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung phù hợp với các quy định của pháp luật.

[3] Tổng hợp những kết quả phân tích ở trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H là có căn cứ, đúng pháp luật. Ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nhưng tại phiên tòa phúc thẩm không đưa ra được tài liệu, chứng cứ hoặc lý do nào mới, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H có kháng cáo không được chấp nhận nhưng là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội: Ông Lê Trọng B và bà Lê Thị H được miễn không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 10 năm 2023).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Cục THADS tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền